

Số: 1686/KH-ĐHNLBG-HĐT

Bắc Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2019

KẾ HOẠCH THI VÀ DANH SÁCH PHÒNG THI
KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
(Đợt thi ngày 04&05 tháng 01 năm 2020)

I. LỊCH THI

THỨ BẢY, NGÀY 04/01/2020					
Phòng thi	Ca thi	Thời gian thí sinh có mặt	Thời gian thi trắc nghiệm	Thời gian thi thực hành	Địa điểm thi (Trắc nghiệm + Thực hành)
TH01	1	7:00	7:30	8:15	Phòng thực hành máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
TH02					Phòng thực hành máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
TH03	2	9:30	10:00	10:45	Phòng thực hành máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
TH04					Phòng thực hành máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
TH05	3	12:00	12:30	13:15	Phòng thực hành máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
TH06					Phòng thực hành máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
CHỦ NHẬT, NGÀY 05/01/2020					
TH07	1	7:00	7:30	8:15	Phòng thực hành máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
TH08	2	9:30	10:00	10:45	
TH09	3	12:00	12:30	13:15	
TH10	4	14:30	15:00	15:45	

II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CHỦ TRÌ	THỜI GIAN			
			Ca 1	Ca 2	Ca 3	Ca 4
1	Họp HĐT phân công nhiệm vụ.	Chủ tịch HĐ	7:00	9:50	12:20	14:50
2	Sinh hoạt quy chế/ nội qui phòng thi.	Thư ký HĐ	7:05			
3	- Đánh số báo danh. - Gọi thí sinh vào phòng thi, đối chiếu số ảnh, bố trí chỗ ngồi cho thí sinh đúng vị trí quy định.	Giám thị 1	7:15			
	- Kiểm tra vật dụng mang vào phòng thi của thí sinh.	Kỹ thuật viên				
	- Kiểm tra Phiếu dự thi, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên phiếu dự thi. - Phổ biến quy chế thi.	Giám thị 2,3				

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CHỦ TRÌ	THỜI GIAN			
			Ca 1	Ca 2	Ca 3	Ca 4
PHẦN THI TRẮC NGHIỆM						
4	- Phát dữ liệu đề thi trắc nghiệm trên phần mềm về từng máy cho thí sinh.	Kỹ thuật viên	7:25	9:55	12:25	14:55
	- Hướng dẫn thí sinh sử dụng tài khoản cá nhân để đăng nhập làm bài thi.					
5	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi trắc nghiệm.	Giám thị	7:30	10:00	12:30	15:00
6	Kết thúc thời gian làm bài thi trắc nghiệm: - Duy trì ổn định và trật tự phòng thi	Giám thị 1	8:00	10:30	13:00	15:30
	- In Kết quả phần thi trắc nghiệm	Kỹ thuật viên				
	- Yêu cầu thí sinh ký tên xác nhận kết quả phần thi trắc nghiệm.	Giám thị 2,3				
PHẦN THI THỰC HÀNH						
1	- Phát dữ liệu đề thi thực hành trên máy chủ về từng máy cho thí sinh.	Trưởng Ban coi thi	8:10	10:40	13:10	15:40
	- Hướng dẫn thí sinh đường dẫn lấy dữ liệu thi và đường dẫn lưu kết quả bài thi.	Kỹ thuật viên				
2	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi thực hành.	Giám thị	8:15	10:45	13:15	15:45
3	Kết thúc thời gian làm bài thi thực hành: - Duy trì ổn định và trật tự phòng thi	Giám thị 1	9:45	12:15	14:45	17:15
	- Yêu cầu thí sinh ký tên vào Danh sách xác nhận tệp kết quả thi thực hành.	Giám thị 2,3 & Kỹ thuật viên				
	- Niêm phong 02 Thiết bị lưu trữ bài thi.	Giám thị & Kỹ thuật viên				
4	Nộp Danh sách kết quả thi trắc nghiệm, 02 thiết bị lưu trữ bài thi đã được niêm phong, các biên bản phòng thi.	Giám thị, Kỹ thuật viên và Ban thư ký	Ngay sau khi hoàn tất nhiệm vụ			
5	Xóa toàn bộ dữ liệu thi của ca thi.	Kỹ thuật viên				
6	Họp tổng kết coi thi tại phòng Hội đồng.	Chủ tịch HĐ				

III. DANH SÁCH PHÒNG THI

(Xem danh sách phòng thi chi tiết đính kèm)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI



DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 04/01/2020

PHÒNG THI: TH01

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - 07h00'

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - 08h15'

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ghi chú
1	CNTT01	Bùi Thị Phương Anh	01/12/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
2	CNTT02	Đặng Văn Anh	19/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
3	CNTT03	Thân Thị Ánh	12/05/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
4	CNTT04	Thân Thị Ngọc Ánh	29/12/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
5	CNTT05	Thân Văn Ánh	27/12/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
6	CNTT06	Trần Sơn Bách	26/12/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
7	CNTT07	Nguyễn Văn Chính	17/08/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
8	CNTT08	Nguyễn Viết Chung	26/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
9	CNTT09	Nguyễn Văn Công	20/03/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
10	CNTT10	Thân Thành Công	23/04/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
11	CNTT11	Trần Quang Cừ	25/02/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
12	CNTT12	Lê Công Dũng	29/08/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
13	CNTT13	Vũ Quang Dũng	12/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
14	CNTT14	Đỗ Văn Dự	30/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
15	CNTT15	Hoàng Thùy Dương	01/08/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
16	CNTT16	Nguyễn Hữu Dương	08/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
17	CNTT17	Trần Văn Dương	24/09/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	
18	CNTT18	Phạm Quang Đạt	30/11/2001	Nam	Kinh	Thái Bình	
19	CNTT19	Diêm Công Điện	02/08/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	
20	CNTT20	Nguyễn Thanh Điệp	03/03/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
21	CNTT21	Nguyễn Văn Đoàn	08/10/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	
22	CNTT22	Vũ Đình Đông	28/05/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
23	CNTT23	Lê Đình Đức	14/10/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	
24	CNTT24	Dương Văn Giang	05/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
25	CNTT25	Tổng Văn Giang	07/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
26	CNTT26	Đinh Văn Hải	28/02/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
27	CNTT27	Lê Tuấn Hải	07/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh	
28	CNTT28	Nguyễn Quang Hải	22/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
29	CNTT29	Nguyễn Thị Hải	16/05/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 29./.



DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 04/01/2020

PHÒNG THI: TH02

Địa điểm và thời gian thi:

Phân thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **07h00'**

Phân thi Thực hành: Phòng máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **08h15'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ghi chú
1	CNTT30	Nguyễn Văn Hải	20/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
2	CNTT31	Nguyễn Hồng Hạnh	12/06/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
3	CNTT32	Nguyễn Đức Hào	27/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
4	CNTT33	Nguyễn Văn Hào	29/04/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
5	CNTT34	Nguyễn Thị Hào	15/10/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
6	CNTT35	Nguyễn Thị Hằng	11/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
7	CNTT36	Vũ Thị Hằng	01/12/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
8	CNTT37	Hoàng Minh Hân	29/09/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
9	CNTT38	Chu Văn Hậu	03/09/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	
10	CNTT39	Đỗ Văn Hậu	09/08/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
11	CNTT40	Nghiêm Ngọc Hiệp	11/02/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
12	CNTT41	Nguyễn Trung Hiếu	23/05/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
13	CNTT42	Hoàng Quốc Hiệu	13/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
14	CNTT43	Văn Công Thanh Hiệu	04/05/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
15	CNTT44	Đỗ Thị Hòa	28/09/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
16	CNTT45	Nguyễn Thị Hoài	10/05/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
17	CNTT46	Nguyễn Thị Hoan	03/10/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
18	CNTT47	Nguyễn Văn Hoan	24/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
19	CNTT48	Lê Văn Hoàng	16/04/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
20	CNTT49	Ngô Văn Hoàng	14/10/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	
21	CNTT50	Vũ Văn Hoàng	21/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
22	CNTT51	Nguyễn Bá Huân	15/11/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
23	CNTT52	Nguyễn Đức Nam Hùng	23/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
24	CNTT53	Đỗ Danh Huy	14/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 24./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
ĐẠI HỌC
NÔNG - LÂM
BẮC GIANG
ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 04/01/2020

PHÒNG THI: TH03

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **09h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **10h45'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ghi chú
1	CNTT54	Hoàng Đức Cương	20/01/1982	Nam	Kinh	Bắc Giang	
2	CNTT55	Phạm Văn Duy	06/05/1994	Nam	Kinh	Nam Định	
3	CNTT56	Nguyễn Thị Hạnh	06/05/1971	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
4	CNTT57	Ngô Văn Hiệp	05/03/1995	Nam	Kinh	Bắc Giang	
5	CNTT58	Giáp Thị Ngân Hoa	10/05/1993	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
6	CNTT59	Đỗ Mạnh Hùng	17/05/1970	Nam	Kinh	Bắc Giang	
7	CNTT60	Nguyễn Huy Hùng	07/11/1997	Nam	Kinh	Bắc Ninh	
8	CNTT61	Hoàng Quốc Huy	13/10/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
9	CNTT62	Nguyễn Quang Huy	17/01/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
10	CNTT63	Tổng Thành Huy	11/10/1981	Nam	Kinh	Bắc Giang	
11	CNTT64	Lâm Thị Thu Huyền	13/11/1977	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
12	CNTT65	Nguyễn Thị Huyền	16/12/1982	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
13	CNTT66	Trần Quốc Hưng	21/08/1989	Nam	Kinh	Bắc Giang	
14	CNTT67	Trần Quỳnh Hương	17/03/1985	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
15	CNTT68	Trần Thị Thu Hương	26/05/1972	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
16	CNTT69	Ngô Văn Hường	07/09/1980	Nam	Kinh	Bắc Giang	
17	CNTT70	Nguyễn Sỹ Khoa	16/06/1974	Nam	Kinh	Bắc Giang	
18	CNTT71	Đoàn Trung Kiên	23/03/1986	Nam	Kinh	Bắc Giang	
19	CNTT72	Nguyễn Thị Mai	09/12/1988	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
20	CNTT73	Tạ Văn Mạnh	17/07/1986	Nam	Kinh	Bắc Giang	
21	CNTT74	Vũ Hải Nam	10/01/1994	Nam	Kinh	Bắc Giang	
22	CNTT75	Phạm Thị Ninh	05/01/1980	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
23	CNTT76	Nguyễn Khánh Phương	26/08/1978	Nam	Kinh	Bắc Giang	
24	CNTT77	Thân Văn Quyết	08/04/1965	Nam	Kinh	Bắc Giang	
25	CNTT78	Nguyễn Hà Sơn	20/10/1995	Nam	Kinh	Bắc Ninh	
26	CNTT79	Hoàng Thị Thúy	02/10/1983	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
27	CNTT80	Nguyễn Duy Toàn	18/10/1981	Nam	Kinh	Bắc Giang	
28	CNTT81	Nguyễn Thị Huyền Trang	29/11/1986	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
29	CNTT82	Hoàng Văn Trường	24/10/1975	Nam	Kinh	Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 29./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
ĐẠI HỌC
NÔNG - LÂM
BẮC GIANG
ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 04/01/2020

PHÒNG THI: TH04

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **09h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **10h45'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ghi chú
1	CNTT83	Vương Văn Huy	15/02/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
2	CNTT84	Dương Văn Hưng	02/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
3	CNTT85	Nguyễn Thị Hương	24/12/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
4	CNTT86	Nguyễn Thị Hường	24/07/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
5	CNTT87	Nguyễn Thị Hường	04/12/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
6	CNTT88	Trần Thị Hường	23/12/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
7	CNTT89	Lê Văn Khanh	26/11/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
8	CNTT90	Nguyễn Văn Khoa	03/03/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
9	CNTT91	Nguyễn Xuân Kiên	05/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
10	CNTT92	Nguyễn Thị Mai Lan	05/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
11	CNTT93	Nguyễn Thị Lệ	30/05/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
12	CNTT94	Lê Thị Thùy Linh	27/07/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
13	CNTT95	Nguyễn Đình Linh	22/12/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
14	CNTT96	Đặng Thị Minh Loan	13/08/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
15	CNTT97	Vũ Thế Long	08/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
16	CNTT98	Dương Đắc Lộc	07/05/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
17	CNTT99	Dương Văn Lợi	13/04/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
18	CNTT100	Đào Văn Lợi	27/08/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
19	CNTT101	Dương Văn Luận	10/08/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
20	CNTT102	Dương Văn Lục	12/04/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
21	CNTT103	Dương Thị Mai	07/09/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
22	CNTT104	Phan Thị Mai	17/08/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
23	CNTT105	Nguyễn Thị Mây	17/04/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
24	CNTT106	Diêm Công Minh	11/11/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 24./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
ĐẠI HỌC
NÔNG - LÂM
BẮC GIANG
Th.S. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 04/01/2020

PHÒNG THI: TH05

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **12h00'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **13h15'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ghi chú
1	CNTT107	Nguyễn Ngọc Minh	21/02/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
2	CNTT108	Nguyễn Văn Minh	17/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
3	CNTT109	Tổng Thị Trà My	14/08/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
4	CNTT110	Dương Thị Tuyết Nga	05/05/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
5	CNTT111	Đỗ Thị Nga	14/10/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
6	CNTT112	Phạm Thị Nga	19/02/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
7	CNTT113	Dương Thị Ngân	10/08/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
8	CNTT114	Nguyễn Thị Ngoan	30/10/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
9	CNTT115	Ngô Minh Ngọc	08/04/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
10	CNTT116	Trần Trọng Nguyên	15/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
11	CNTT117	Vũ Trung Nguyên	21/07/2000	Nam	Kinh	Bắc Giang	
12	CNTT118	Ngô Thị Nhâm	12/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
13	CNTT119	Nguyễn Thị Oanh	24/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
14	CNTT120	Diêm Công Phong	24/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
15	CNTT121	Trần Văn Quang	01/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
16	CNTT122	Vũ Hoàng Quân	24/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
17	CNTT123	Nguyễn Hữu Quyết	28/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
18	CNTT124	Đặng Thị Quỳnh	14/07/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
19	CNTT125	Đặng Thị Hoa	15/07/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
20	CNTT126	Giáp Thị Như Quỳnh	30/10/2000	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
21	CNTT127	Nguyễn Thị Quỳnh	08/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
22	CNTT128	Giáp Văn Sinh	28/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
23	CNTT129	Trần Văn Sự	17/02/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
24	CNTT130	Nguyễn Nhật Tân	16/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
25	CNTT131	Tổng Ngọc Thanh	07/02/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
26	CNTT132	Đặng Thị Thảo	28/03/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
27	CNTT133	Nguyễn Thị Thảo	23/09/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
28	CNTT134	Trần Thị Hương Thảo	25/10/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
29	CNTT135	Đỗ Thị Thắm	16/05/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 29./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
ĐẠI HỌC
NÔNG - LÂM
BẮC GIANG
ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 04/01/2020

PHÒNG THI: TH06

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **12h00'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **13h15'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ghi chú
1	CNTT136	Lê Đức Thắng	16/03/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
2	CNTT137	Bùi Xuân Thịnh	06/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
3	CNTT138	Nguyễn Văn Thoan	20/05/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
4	CNTT139	Đỗ Thành Thông	15/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
5	CNTT140	Tổng Văn Thu	27/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
6	CNTT141	Nguyễn Văn Thuận	17/12/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	
7	CNTT142	Trần Thị Kim Thùy	17/07/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
8	CNTT143	Đặng Thị Thủy	30/06/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
9	CNTT144	Kiều Thị Thủy	30/06/2001	Nữ	Kinh	Lào Cai	
10	CNTT145	Nguyễn Trọng Thủy	27/01/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	
11	CNTT146	Nguyễn Thị Thúy	02/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
12	CNTT147	Thân Thanh Thúy	25/04/2002	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	
13	CNTT148	Thân Bá Tích	05/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
14	CNTT149	Nguyễn Văn Tới	11/08/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
15	CNTT150	Nguyễn Hữu Trí	28/11/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
16	CNTT151	Dương Thị Lâm Trinh	05/02/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
17	CNTT152	Dương Trọng Tú	25/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
18	CNTT153	Nguyễn Danh Tú	18/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
19	CNTT154	Thân Thị Tú	14/10/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
20	CNTT155	Nguyễn Trọng Tuấn	27/02/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
21	CNTT156	Nguyễn Thị Tuyết	25/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
22	CNTT157	Đỗ Thị Vân	05/08/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
23	CNTT158	Nguyễn Như Viện	13/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
24	CNTT159	Dương Thị Hải Yến	14/12/2002	Nữ	Kinh	Biên Hòa	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 24./.


CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 05/01/2020

PHÒNG THI: TH07

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **07h00'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **08h15'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ghi chú
1	CNTT160	Ngân Quang Anh	03/11/2001	Nam	Hoa	Bắc Giang	
2	CNTT161	Nguyễn Ngọc Anh	10/11/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
3	CNTT162	Phan Đình Anh	02/01/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	
4	CNTT163	Tạ Tuấn Anh	19/10/1991	Nam	Kinh	Bắc Giang	
5	CNTT164	Bế Văn Bình	28/05/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
6	CNTT165	Nguyễn Thị Bình	20/09/2001	Nữ	Tày	Bắc Giang	
7	CNTT166	Lục Văn Bộ	27/07/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
8	CNTT167	Đặng Hữu Chi	18/03/2001	Nam	Dao	Bắc Giang	
9	CNTT168	Nguyễn Văn Chí	04/05/1989	Nam	Kinh	Bắc Giang	
10	CNTT169	Hoàng Văn Chiến	12/04/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
11	CNTT170	Hà Thị Chúc	14/09/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	
12	CNTT171	Nịnh Thị Chúc	13/02/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	
13	CNTT172	Hoàng Thành Công	21/11/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
14	CNTT173	Lê Văn Công	18/02/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
15	CNTT174	Đàm Văn Cơ	19/09/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
16	CNTT175	Hoàng Văn Cường	12/10/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
17	CNTT176	Lý Thị Dầu	08/09/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	
18	CNTT177	Cam Văn Diễn	04/09/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
19	CNTT178	Đinh Thị Diệu	16/08/2001	Nữ	Tày	Bắc Giang	
20	CNTT179	Ngô Thị Dung	29/11/2000	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	
21	CNTT180	Trần Thị Dung	06/11/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	
22	CNTT181	Vũ Văn Dũng	30/08/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
23	CNTT182	Nguyễn Văn Dũng	23/01/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
24	CNTT183	Nguyễn Văn Dũng	22/08/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	
25	CNTT184	Hoàng Đức Duy	'15/04/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	
26	CNTT185	Hoàng Văn Dương	25/12/2000	Nam	Kinh	Bắc Giang	
27	CNTT186	Mạc Xuân Đăng	26/11/2001	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
28	CNTT187	Đinh Thị Đào	24/08/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ghi chú
29	CNTT188	Dương Văn Đạt	09/09/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
30	CNTT189	Lương Hải Đăng	04/05/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
31	CNTT190	Ban Văn Đoàn	28/02/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
32	CNTT191	Đặng Văn Đông	10/10/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	
33	CNTT192	Bế Hồng Đức	27/10/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
34	CNTT193	Hoàng Minh Đức	02/06/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
35	CNTT194	Lương Công Được	31/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
36	CNTT195	Trần Minh Giang	01/11/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
37	CNTT196	Vũ Thị Giang	17/10/2001	Nữ	Tày	Bắc Giang	
38	CNTT197	Châu Văn Hà	30/08/2000	Nam	Tày	Bắc Giang	
39	CNTT198	Hoàng Thị Hà	18/12/1991	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
40	CNTT199	Hoàng Thu Hà	27/09/1989	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
41	CNTT200	Mông Thị Hải	19/06/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 41./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 05/01/2020

PHÒNG THI: TH08

Địa điểm và thời gian thi:

Phân thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - 09h30'

Phân thi Thực hành: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - 10h45'

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ghi chú
1	CNTT201	Nịnh Quốc Hải	10/12/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
2	CNTT202	Đặng Thị Hạnh	12/04/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	
3	CNTT203	Lý Thị Hằng	13/08/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	
4	CNTT204	Lục Văn Hậu	23/07/2001	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
5	CNTT205	Hoàng Quang Hiến	25/05/2001	Nam	Tày	Bắc Giang	
6	CNTT206	Nguyễn Trung Hiếu	05/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
7	CNTT207	Chu Thị Hoa	25/11/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
8	CNTT208	Mai Thị Hoa	21/10/2001	Nữ	Nùng	Bắc Giang	
9	CNTT209	Đàm Việt Hoàng	22/05/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
10	CNTT210	Nguyễn Thị Hòe	01/11/1988	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
11	CNTT211	Đặng Quốc Huân	29/12/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	
12	CNTT212	Đàm Thị Huế	01/06/1989	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
13	CNTT213	Lãnh Văn Hùng	30/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
14	CNTT214	Ngọc Văn Huy	23/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
15	CNTT215	Trương Quang Huy	17/09/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	
16	CNTT216	Nguyễn Thị Thanh Huyền	16/09/1986	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
17	CNTT217	Trần Văn Huynh	20/09/2002	Nam	Hoa	Bắc Giang	
18	CNTT218	Đặng Phúc Hương	27/09/1999	Nam	Dao	Bắc Giang	
19	CNTT219	Hoàng Mai Hương	29/09/2002	Nữ	Dao	Bắc Giang	
20	CNTT220	Nịnh Văn Hương	18/01/1978	Nam	Kinh	Bắc Giang	
21	CNTT221	Đặng Thúy Hường	08/11/2002	Nữ	Dao	Bắc Giang	
22	CNTT222	Nguyễn Thị Hường	23/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
23	CNTT223	Nông Thị Hường	23/10/2001	Nữ	Tày	Bắc Giang	
24	CNTT224	Dương Văn Hướng	06/08/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ghi chú
25	CNTT225	Nịnh Xuân Khải	06/01/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
26	CNTT226	Nông Minh Khôi	06/03/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
27	CNTT227	Trần Văn Kiên	24/10/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	
28	CNTT228	Vi Văn Kiên	02/01/2002	Nam	Nùng	Bắc Giang	
29	CNTT229	Lục Thị Kiều	16/09/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	
30	CNTT230	Dương Văn Liêm	05/03/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
31	CNTT231	Lý Văn Linh	19/05/2001	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
32	CNTT232	Hà Văn Luân	16/04/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
33	CNTT233	Trần Thị Lương	07/12/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	
34	CNTT234	Hoàng Duy Mạnh	06/10/2002	Nam	Nùng	Bắc Giang	
35	CNTT235	Nguyễn Văn Mạnh	01/07/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
36	CNTT236	Nông Văn Mạnh	16/02/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
37	CNTT237	Trần Văn Minh	17/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
38	CNTT238	Ban Thị Nga	26/04/2000	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	
39	CNTT239	Nguyễn Thị Nga	22/03/2002	Nữ	Dao	Bắc Giang	
40	CNTT240	Ngụy Trọng Nghĩa	26/03/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 40./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
ĐẠI HỌC
NÔNG - LÂM
BẮC GIANG
ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 05/01/2020

PHÒNG THI: TH09

Địa điểm và thời gian thi:

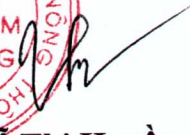
Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **12h00'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **13h15'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ghi chú
1	CNTT241	Hoàng Thị Ngoan	10/11/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	
2	CNTT242	Bế Văn Nguyễn	28/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
3	CNTT243	Lý Thị Nguyệt	05/01/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	
4	CNTT244	Mễ Thị Nguyệt	24/10/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	
5	CNTT245	Trần Văn Nhất	30/09/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
6	CNTT246	Nguyễn Thị Nhung	07/01/2002	Nữ	Tày	Bắc Giang	
7	CNTT247	Hà Văn Ninh	22/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
8	CNTT248	Trần Thúy Nội	26/03/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	
9	CNTT249	Nguyễn Xuân Phương	14/04/1965	Nam		Bắc Giang	
10	CNTT250	Trần Minh Phương	18/09/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	
11	CNTT251	Bế Văn Quang	14/06/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
12	CNTT252	Vi Văn Quang	13/02/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
13	CNTT253	Dương Minh Quân	01/10/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	
14	CNTT254	Lục Văn Quân	18/05/2001	Nam	Tày	Bắc Giang	
15	CNTT255	Phạm Minh Quân	23/11/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
16	CNTT256	Tô Thị Quân	18/10/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	
17	CNTT257	Trần Văn Quân	27/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
18	CNTT258	Hoàng Đức Quý	11/11/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
19	CNTT259	Lục Thị Ánh Quyên	28/02/2001	Nữ	Tày	Bắc Giang	
20	CNTT260	Đinh Văn Quyền	02/11/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
21	CNTT261	Đặng Thị Quyết	04/08/1988	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
22	CNTT262	Đặng Văn Quyết	16/08/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	
23	CNTT263	Đặng Văn Quỳnh	04/11/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	
24	CNTT264	Hoàng Văn Sang	04/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
25	CNTT265	Lã Văn Sáng	19/12/2001	Nam	Dao	Bắc Giang	
26	CNTT266	Nịnh Văn Sắc	20/06/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ghi chú
27	CNTT267	Hoàng Hồng Sơn	03/08/2002	Nam	Nùng	Bắc Giang	
28	CNTT268	Nguyễn Hồng Sơn	05/05/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	
29	CNTT269	Nguyễn Văn Sỹ	29/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
30	CNTT270	Hà Văn Tài	24/05/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
31	CNTT271	Hoàng Thị Tám	16/08/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	
32	CNTT272	Lương Công Tân	27/09/2001	Nam	Tày	Bắc Giang	
33	CNTT273	Bế Văn Thái	11/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
34	CNTT274	Lý Thị Thành	04/01/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	
35	CNTT275	Ngân Hải Thành	07/07/2000	Nam	Hoa	Bắc Giang	
36	CNTT276	Lộc Thị Thao	19/05/2002	Nữ	Tày	Bắc Giang	
37	CNTT277	Dương Huy Thảo	23/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
38	CNTT278	Lộc Thị Thảo	24/09/2002	Nữ	Tày	Bắc Giang	
39	CNTT279	Lê Văn Thể	03/12/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
40	CNTT280	Hoàng Công Thịnh	15/01/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 40./.


CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 05/01/2020

PHÒNG THI: TH10

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **14h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **15h45'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ghi chú
1	CNTT281	Triệu Sinh	Thông	29/09/2002	Nam	Dao	Quảng Ninh	
2	CNTT282	Bàn Văn	Thuần	15/10/2002	Nam	Dao	Bắc Giang	
3	CNTT283	Đàm Quang	Thuận	21/12/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	
4	CNTT284	La Thị Bích	Thùy	27/09/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	
5	CNTT285	Trịnh Thị	Thùy	12/04/2001	Nữ	Tày	Bắc Giang	
6	CNTT286	Vi Thị	Thương	05/06/2002	Nữ	Tày	Bắc Giang	
7	CNTT287	Trần Thanh	Thường	06/08/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	
8	CNTT288	Ban Văn	Tiến	24/04/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
9	CNTT289	Bế Văn	Toại	28/03/2001	Nam	Sán chí	Bắc Giang	
10	CNTT290	Bùi Hữu	Trà	24/04/2002	Nam	Nùng	Bắc Giang	
11	CNTT291	Nguyễn Thị Đoan	Trang	28/07/1988	Nữ	Kinh	Bắc Giang	
12	CNTT292	Lý Văn	Trọng	25/01/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	
13	CNTT293	Hoàng Anh	Tú	21/06/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
14	CNTT294	Phạm Ngọc	Tú	21/12/1988	Nam	Kinh	Bắc Giang	
15	CNTT295	Trần Văn	Tú	02/05/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
16	CNTT296	Vi Văn	Tú	08/03/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
17	CNTT297	Trần Minh	Tuân	12/12/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
18	CNTT298	Nguyễn Huy	Tuấn	02/02/1982	Nam	Kinh	Bắc Giang	
19	CNTT299	Nông Văn	Tuấn	22/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
20	CNTT300	Tằng Văn	Tuấn	09/09/2002	Nam	Hoa	Bắc Giang	
21	CNTT301	Vi Hoàng	Tuấn	03/06/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
22	CNTT302	Ngọc Thanh	Tùng	06/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
23	CNTT303	Vũ Đình	Tuyên	01/06/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	
24	CNTT304	Vi Thanh	Tuyền	18/09/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
25	CNTT305	Vi Đình	Tuyền	25/04/1980	Nam	Kinh	Bắc Giang	
26	CNTT306	Lăng Hồng	Tươi	16/08/2002	Nữ	Nùng	Bắc Giang	



Handwritten signature

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ghi chú
27	CNTT307	Trần Văn Vang	01/02/2001	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
28	CNTT308	Đinh Thành Văn	10/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	
29	CNTT309	Mã Đức Văn	17/07/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
30	CNTT310	Ban Văn Vĩ	05/03/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
31	CNTT311	Bùi Công Viên	21/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
32	CNTT312	Triệu Quý Việt	27/08/2002	Nam	Dao	Bắc Giang	
33	CNTT313	Vi Thịnh Vinh	28/09/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
34	CNTT314	Vi Long Vũ	15/05/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
35	CNTT315	Đặng Quốc Vương	13/04/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	
36	CNTT316	Nguyễn Minh Vỹ	18/09/1967	Nam	Kinh	Hung Yên	
37	CNTT317	Đặng Thị Xoan	04/12/2002	Nữ	Dao	Bắc Giang	
38	CNTT318	Nông Văn Xuân	21/10/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	
39	CNTT319	Trần Thị Yên	09/10/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	
40	CNTT320	Hà Thị Yến	22/08/2002	Nữ	Tày	Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 40./


CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
ThS. Đỗ Thị Huyền